

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTCTH-TTHT
V/v chính sách ưu đãi thuế đối với
Hợp tác xã nông nghiệp

Cần Thơ, ngày tháng năm

Kính gửi: Hội Nông dân Thành phố Cần Thơ.

Cục Thuế TP. Cần Thơ nhận được công văn số 149-CV/HNDT ngày 09/01/2024 của Ban chấp hành Hội Nông dân Thành phố Cần Thơ về việc đề nghị phối hợp trả lời các vấn đề hội viên nông dân thành phố kiến nghị “Cần có chính sách giảm thuế đối với hợp tác xã nông nghiệp mới thành lập”. Cục Thuế Thành phố Cần Thơ có ý kiến như sau:

1/ Về lệ phí môn bài:

Căn cứ khoản 6 Điều 3 Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ) quy định:

“Điều 3. Miễn lệ phí môn bài

...

“6. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định của pháp luật về hợp tác xã nông nghiệp.”

Căn cứ vào quy định nêu trên, trường hợp Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định của pháp luật về hợp tác xã nông nghiệp thì được miễn lệ phí môn bài.

2/ Về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

2.1/ Thu nhập miễn thuế:

Căn cứ khoản 1 Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính quy định:

“Điều 8. Thu nhập được miễn thuế

“1. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; Thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản.

a) Thu nhập từ trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản của hợp tác xã và của doanh nghiệp được ưu đãi thuế (bao gồm ưu đãi về thuế suất, miễn giảm thuế) quy định tại Thông tư này là thu nhập từ sản phẩm do doanh nghiệp, hợp tác xã tự trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản (bao gồm cả trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp mua sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến).

Thu nhập của sản phẩm, hàng hóa chế biến từ nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế (bao gồm ưu đãi về thuế suất, miễn giảm thuế) quy định tại Thông tư này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (giá thành sản xuất hàng hóa, sản phẩm) từ 30% trở lên.*
- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.*

Doanh nghiệp phải xác định riêng thu nhập sản phẩm, hàng hóa chế biến từ nông sản, thủy sản để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập miễn thuế tại Khoản này bao gồm cả thu nhập từ thanh lý các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng (trừ thanh lý vườn cây cao su), thu nhập từ việc bán phế liệu phế phẩm liên quan đến các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản.

Sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng của hợp tác xã và của doanh nghiệp được xác định căn cứ theo mã ngành kinh tế cấp 1 của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam”.

Căn cứ quy định nêu trên, nếu Hợp tác xã đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính) thì thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản làm muối của hợp tác xã thuộc thu nhập được miễn thuế.

2.2/ Ưu đãi thuế:

- Căn cứ điểm f khoản 3 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính quy định:

“Điều 19. Thuế suất ưu đãi

...

3. Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với:

...

f) Phần thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.”

- Căn cứ Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính) quy định về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ các quy định nêu trên, nếu Hợp tác xã đáp ứng quy định tại điểm f khoản 3 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài

chính thì phần thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế TNDN 10% trong suốt quá trình hoạt động. Để được hưởng ưu đãi thuế TNDN Hợp tác xã phải đáp ứng điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính).

Cục Thuế TP. Cần Thơ thông tin đến Hội Nông dân Thành phố Cần Thơ về những ưu đãi được áp dụng đối với Hợp tác xã nông nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng NVDTPC "đề rà soát"
- Trang web Cục Thuế;
- Lưu VT, TTHT.(ad)

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Huỳnh Tấn Phát